

Số: 78/2026/QĐST-HNGĐ

Lào Cai, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 76/2026/TLST- HNGĐ ngày 08/4/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989

CCCD: 010089005018

Địa chỉ: Tổ B P, phường C, tỉnh Lào Cai

- Chị Phạm Thị S, sinh năm 1988

CCCD: 010188007475

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường C, tỉnh Lào Cai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2021 tại UBND phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là phường C, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn anh K, chị S chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống trong làm ăn kinh tế cũng như nuôi dạy các con, hai vợ chồng ít quan tâm chia sẻ và không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không

được cải thiện. Từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, anh K sống ở tổ B P, phường C, tỉnh Lào Cai còn chị S sinh sống ở tổ dân phố V, phường C, tỉnh Lào Cai không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm và kinh tế. Nay anh K, chị S đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K, chị S yêu cầu Toà án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Trước khi kết hôn anh K, chị S đã chung sống với nhau như vợ chồng và có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16/10/2021. Khi ly hôn anh K, chị S thống nhất thỏa thuận chị Phạm Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Minh K1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh K1 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2026 đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, việc anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S tự thỏa thuận thống nhất ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo được lợi ích của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S. Quan hệ hôn nhân giữa Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16/10/2021 cho chị Phạm Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn K cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Minh K1 là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2026 đến khi cháu Nguyễn Minh K1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con không ai có quyền ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, tổng cộng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S đã nộp tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E, số0001337 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV6-Lào Cai;
- THADS KV 6 - Lào Cai;
- UBND phường Cam Đường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Quyết Thắng